

CHIẾN LƯỢC XIN LỖI TRONG MỐI QUAN HỆ BẠN BÈ THÂN THIẾT: ĐỐI CHIẾU TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG NHẬT

Vũ Đình Quang Anh*

Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Nhật Bản, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội,
Số 2 Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài ngày 05 tháng 03 năm 2024

Chỉnh sửa ngày 20 tháng 03 năm 2024; Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 04 năm 2024

Tóm tắt: Hành vi xin lỗi là một trong những hành vi phổ biến nhất của con người trong đời sống thường nhật và biểu hiện ngôn ngữ của nó có thể được quan sát bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau như: tiếng Việt, tiếng Nhật, tiếng Anh, tiếng Trung,... Tuy nhiên, trên thực tế, cách biểu đạt lời xin lỗi được sử dụng khác nhau giữa các ngôn ngữ do có sự khác biệt về văn hóa, phong tục tập quán cũng như mức độ quan hệ. Nghiên cứu này đã tiến hành đối chiếu chiến lược xin lỗi trong tiếng Nhật và tiếng Việt, tập trung chủ yếu vào mối quan hệ bạn bè thân thiết thông qua điều tra khảo sát bằng bảng câu hỏi trực tuyến, nhằm chỉ ra được điểm tương đồng, điểm khác biệt trong tình trạng, tần suất sử dụng chiến lược xin lỗi. Kết quả thu được cho thấy, về tình trạng, tần suất sử dụng, người Nhật hầu như diễn đạt lời xin lỗi trong tất cả các bối cảnh, trong khi người Việt thường chỉ sử dụng lời xin lỗi ở những bối cảnh gây ra mức độ ảnh hưởng lớn đến đối phương; về chiến lược xin lỗi, người Nhật thường xuyên sử dụng chiến lược “bày tỏ lời xin lỗi rõ ràng” và “thừa nhận trách nhiệm”, mặt khác, chiến lược “giải thích/biện minh” và “đề nghị bồi thường” được người Việt sử dụng nhiều hơn.

Từ khóa: xin lỗi, chiến lược xin lỗi, cách diễn đạt, tiếng Việt, tiếng Nhật

1. Dẫn nhập

Giao tiếp là hoạt động truyền đạt, trao đổi thông tin, tình cảm, tư tưởng giữa các cá nhân hoặc các nhóm trong một hệ thống xã hội. Không chỉ vậy, giao tiếp còn là công cụ để tạo dựng, duy trì mối quan hệ giữa con người và con người. Có hai hình thức giao tiếp tiêu biểu trong đời sống, đó là giao tiếp ngôn từ và giao tiếp phi ngôn từ (chẳng hạn như giao tiếp bằng ánh mắt, nét mặt, nụ cười, tư thế, động tác,...). Tuy giao tiếp phi ngôn từ là hình thức được xuất hiện nhiều hơn giao tiếp ngôn từ (Nguyễn Quang, 2007), nhưng hình thức giao tiếp ngôn từ vẫn đóng một vai trò quan trọng trong giao tiếp. Bằng ngôn ngữ, con người có thể truyền đạt những ý định, cảm xúc, hay bất cứ một loại thông tin nào, một trong số đó là dùng ngôn ngữ để bày tỏ “lời xin lỗi”.

Trong giao tiếp hàng ngày, người Việt thường có xu hướng không thường xuyên thể hiện lời xin lỗi với những người có mối quan hệ thân thiết như người trong gia đình, bạn thân,... Ngược lại, người Nhật lại thường xuyên nói lời xin lỗi với tất cả các mối quan hệ, kể cả thân thiết hay không thân thiết (Abe Jiro, 2021). Chẳng hạn, khi mình bị quên mất việc mà bạn thân đã nhờ, người Nhật sẽ thường xin lỗi là: “Ôi, tớ xin lỗi cậu nhiều, tớ quên mất rồi...” (ああ、ごめんなさい、忘れちゃった...), còn người Việt sẽ thường chỉ nói là: “Ôi xong, tớ quên mất rồi”. Trái lại, với bạn bình thường (không thân thiết), người Việt sẽ nói: “Ôi tớ xin lỗi bạn

* Tác giả liên hệ

Email: anhvdq@vnu.edu.vn

nhé, tớ quên mất rồi”. Điều này còn liên quan đến việc sử dụng biểu thức ngữ vi, động từ ngữ vi của người Việt và người Nhật.

Bên cạnh đó, trong tiếng Việt, cách thể hiện lời xin lỗi cũng không nhiều. So với tiếng Nhật có rất nhiều cách nói xin lỗi như: 「すみません、 「ごめんなさい、 「申し訳ありません、 「お詫び申し上げます,... tiếng Việt chỉ có duy nhất cách nói: “Xin lỗi”.

Hơn nữa, dưới góc độ ngôn ngữ học xã hội, hành vi xin lỗi được nghiên cứu theo quan hệ tương tác giao tiếp có sự phân tầng về xã hội. Theo định hướng này, có thể thấy, cách thể hiện lời xin lỗi cũng sẽ thay đổi dựa trên các yếu tố xã hội như: tuổi tác, học vấn, giới tính, nghề nghiệp, địa vị xã hội,... của người xin lỗi và người được xin lỗi (Nguyễn Thị Thùy Linh, 2015). Chẳng hạn, giá trị quan của những sinh viên đại học sẽ khác những người đi làm. Vì thế, cũng sẽ có những khác biệt trong cách thể hiện lời xin lỗi.

Từ những điểm trên, tác giả đã tiến hành thực hiện nghiên cứu đối chiếu để có thể giải đáp được một số câu hỏi về sự giống nhau, khác nhau trong tần suất sử dụng lời xin lỗi, chiến lược khi thể hiện lời xin lỗi bằng ngôn từ trong tiếng Nhật và tiếng Việt ở mối quan hệ bạn bè thân thiết.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Định nghĩa “xin lỗi”

Theo lý thuyết chung về hành vi ngôn ngữ, “xin lỗi” thuộc vào nhóm hành vi ở lời, nghĩa là khi phát ngôn kết thúc cũng là lúc người nói thực hiện xong hành vi xin lỗi của mình.

Trong từ điển tiếng Việt của Hoàng Phê (2021), “xin lỗi” được hiểu là:

- (1) Xin được tha thứ vì đã biết lỗi.
- (2) Dùng để mở đầu lời nói một cách lịch sự khi có việc phải làm phiền người khác.

Hay theo như Nguyễn Thị Thùy Linh (2015), định nghĩa “xin lỗi” là “hành vi ngôn ngữ được thực hiện nhằm sửa chữa những sai lầm để duy trì và củng cố mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người”.

Còn trong các nghiên cứu đi trước của người Nhật, Takuro Moriyama (1992) định nghĩa “xin lỗi” là “việc sửa chữa lỗi lầm do đã gây ra những thiệt hại cho đối phương và hàn gắn các mối quan hệ giữa các cá nhân”. Hơn nữa, Tomiko Kondo (2002) định nghĩa “xin lỗi” là “hành vi sửa sai để nhận trách nhiệm của bản thân, duy trì, hàn gắn lại mối quan hệ khi mà chúng ta đã thực hiện một hành động khiến đối phương cảm thấy khó chịu”. Điểm chung của họ là để hàn gắn mối quan hệ sau khi đã gây ra lỗi lầm với người khác. Tomiko Kondo (2002) cũng tập trung vào quan điểm thừa nhận trách nhiệm đối với một hành vi, và điều này có liên quan chặt chẽ đến việc sử dụng cách thể hiện lời xin lỗi.

Sau khi tổng hợp và căn cứ vào những định nghĩa trên, nghiên cứu này định nghĩa “xin lỗi” là “một hành vi được thực hiện nhằm nhận trách nhiệm khi đã gây ra một lỗi lầm, thiệt hại nào đó và để hàn gắn mối quan hệ với đối phương”.

2.2. Chức năng của diễn đạt lời “xin lỗi”

Nghiên cứu này đề cập đến những cách diễn đạt được sử dụng trong lời xin lỗi, nhưng những cách diễn đạt lời xin lỗi không chỉ dừng lại ở chức năng là để “xin lỗi”. Nghiên cứu của Kashiwagi (2015) và Abe Jinro (2021) đã phân loại chức năng của cách diễn đạt lời xin lỗi thành 7 loại: “xin lỗi”, “cảm tạ”, “đồng cảm/hối tiếc”, “hỏi lại”, “gây sự chú ý”, “thể hiện lịch sự tối thiểu”, “mào đầu”. Dựa vào đó, nghiên cứu này cũng phân chia chức năng của việc diễn

đạt lời xin lỗi thành 7 loại như trên.

Trong các chức năng của việc diễn đạt lời xin lỗi, trong tiếng Nhật có một số chức năng mà tiếng Việt không có. Ví dụ, trong tiếng Nhật, khi bạn nói “xin lỗi” (すみません) khi ai đó đã làm gì đó cho bạn, đó không phải là “xin lỗi” mà là “cảm ơn”. Mặt khác, trong cách diễn đạt xin lỗi của người Việt không có chức năng “cảm ơn”. Khi muốn cảm ơn ai đó, người Việt thường dùng những cách thể hiện lòng biết ơn chẳng hạn như “Cảm ơn”.

Hơn nữa, chức năng “đồng cảm/hối tiếc” không tồn tại trong các cách diễn đạt lời xin lỗi bằng tiếng Nhật hoặc tiếng Việt. Trong tiếng Anh, cụm từ “Sorry” được dùng như một cách diễn đạt lời xin lỗi để bày tỏ sự cắn rứt trong tinh thần của một người vì hành động của chính mình đã gây tổn hại cho người khác, thể hiện sự hối hận với hành động trong quá khứ của mình, nhưng đồng thời, nó còn được dùng để thể hiện sự đồng cảm với tình trạng của đối phương. Chẳng hạn như, khi nghe tin con thú cưng của một người bạn bị qua đời, người Anh cũng thường nói rằng: “I’m so sorry to hear that” (Tôi rất tiếc khi nghe tin này). Ngược lại, việc diễn đạt lời xin lỗi trong tiếng Nhật và tiếng Việt là cách để mong cầu sự tha thứ với các lỗi lầm mình đã gây ra, chứ không được dùng để bày tỏ sự đồng cảm hay hối tiếc.

Bên cạnh đó, lời xin lỗi của người Nhật còn có chức năng “gây sự chú ý”. Ví dụ, khi mình muốn gọi nhân viên trong cửa hàng để gọi thêm món thì người Nhật thường nói: 「すみません」. Nhưng lời xin lỗi của người Việt lại không có chức năng này. Khi người Việt muốn thu hút sự chú ý của ai đó, họ thường sử dụng cách chào hỏi như “Em ơi!” thay vì cách nói xin lỗi.

Chức năng “thể hiện lịch sự tối thiểu” có thể thấy trong cách diễn đạt xin lỗi bằng cả tiếng Nhật và tiếng Việt. Người Nhật thường sử dụng những cách diễn đạt lời xin lỗi như 「ごめんなさい」、「すみません」 khi họ không may và nhẹ vào ai đó. Người Việt cũng thường dùng “Xin lỗi” để xin lỗi.

Các chức năng khác cũng được tìm thấy trong cách diễn đạt lời xin lỗi của người Việt, nhưng chúng ít được sử dụng hơn và thường chỉ nói với cấp trên hoặc những người có quan hệ bình thường. Ví dụ, khi muốn “hỏi lại”, người Việt thường sử dụng cách diễn đạt xin lỗi như “Xin lỗi ạ, tôi không nghe rõ lắm” với cấp trên, nhưng lại sử dụng cách diễn đạt đơn giản như “Cái gì cơ?” với những người thân thiết, chẳng hạn như thành viên gia đình hoặc bạn thân. Ngoài ra, người Việt hiếm khi sử dụng lời xin lỗi để “mào đầu” khi nói với những người thân thiết. Khi nhờ một người bạn thân hoặc thành viên gia đình điều gì đó, họ thường chỉ nói thẳng: “Tôi có thể mượn cuốn sách này được không?” mà không sử dụng lời xin lỗi làm lời dẫn mào đầu; chỉ dùng “Xin lỗi, nhưng tôi có thể mượn cuốn sách này được không ạ?” với những người cấp trên hoặc những người có quan hệ không thân thiết.

Như đã đề cập ở trên, chức năng của cách diễn đạt lời xin lỗi và các tình huống chúng được sử dụng sẽ khác nhau tùy theo ngôn ngữ. Ví dụ, chức năng “đồng cảm/hối tiếc” có trong các cách diễn đạt lời xin lỗi bằng tiếng Anh, nhưng không có trong tiếng Nhật và tiếng Việt. Hơn nữa, trong khi cách diễn đạt xin lỗi của người Nhật có chức năng “cảm ơn” và “gây sự chú ý”, cách diễn đạt xin lỗi của người Việt lại không có chức năng này.

Có thể thấy, so với tiếng Nhật, tiếng Việt có ít chức năng thể hiện lời xin lỗi hơn. Ngoài ra, trong tiếng Việt, một số chức năng diễn đạt lời xin lỗi đôi khi chỉ được sử dụng cho những đối tượng nhất định.

2.3. Chiến lược xin lỗi

2.3.1. Khung lý thuyết về “chiến lược xin lỗi”

Theo Nguyễn Thị Thùy Linh (2015), từ góc độ ngữ dụng học, “xin lỗi” là một hành động ngôn ngữ hướng tới nhu cầu xoa dịu thể diện của người tiếp nhận và có ý muốn sửa lại cho đúng một hành vi vi phạm mà người xin lỗi biểu lộ trách nhiệm, giúp tái thiết sự cân bằng giữa người xin lỗi và người tiếp nhận. Chúng ta sử dụng lời xin lỗi để cố gắng hàn gắn mối quan hệ khi chúng ta làm cho người khác cảm thấy không thoải mái. Ngoài việc sử dụng chiến lược “bày tỏ lời xin lỗi rõ ràng” như đã thấy trước đó, còn có nhiều chiến lược khác nhau có thể được sử dụng tùy theo tình huống, chẳng hạn như “thừa nhận trách nhiệm” và “đề nghị bồi thường”. Trong nghiên cứu này, tác giả đã phân loại các chiến lược xin lỗi như sau, dựa trên các chiến lược xin lỗi của các nghiên cứu đi trước như Ikeda (1993) và Hanari (2016):

[Bày tỏ lời xin lỗi rõ ràng]: Thể hiện lời xin lỗi bằng những câu rập khuôn.

[Thừa nhận trách nhiệm]: Thừa nhận trách nhiệm về hành động của mình và nêu rõ nội dung hoặc sự việc cần đưa ra lời xin lỗi.

[Giải thích/biện minh]: Trình bày xem tình huống mà bạn đang xin lỗi xảy ra như thế nào và liệu bạn có cố ý gây ra tình huống đó hay không? Hay trình bày về phần lỗi sai của đối phương để cố gắng thay đổi tình thế.

[Đề nghị bồi thường]: Đưa ra lời đề nghị bù đắp tổn thất và thể hiện thiện chí xin lỗi.

[Tuyên bố sẽ không xảy ra lần nữa]: Đưa ra lời hứa hẹn sẽ không tái phạm.

Mặc dù các chiến lược xin lỗi ở trên có thể thấy được trong cả tiếng Nhật và tiếng Việt, nhưng các tình huống và tần suất sử dụng mỗi chiến lược không nhất thiết phải giống nhau. Dù cho ngôn ngữ đó có cách diễn đạt tương tự như ngôn ngữ mẹ đẻ nhưng không có nghĩa là các chiến lược tương tự sẽ có hiệu quả trong các tình huống như trong ngôn ngữ mẹ đẻ.

2.3.2. Khung lý thuyết về “Động từ ngữ vi, biểu thức ngữ vi”

2.3.2.1. Động từ ngữ vi

Theo GS.TS. Đỗ Hữu Châu (2001): “Động từ ngữ vi là những động từ mà khi phát âm chúng ra cùng với biểu thức ngữ vi (có khi không cần có biểu thức ngữ vi đi kèm) là người nói thực hiện luôn cái hành vi ở lời do chúng biểu thị”. Ví dụ như: *mời* (招待する), *yêu cầu* (要求する), *ra lệnh* (命令を出す), *cấm* (禁止する), *khuyến* (勧める), *khẳng định* (肯定する), *xin lỗi* (謝る/お詫びをする...) ,...

Tuy nhiên, các động từ ngữ vi nói trên chỉ hiệu lực khi chúng được sử dụng đúng với các điều kiện mà John Langshaw Austin (1955) đã đưa ra như sau:

- Chủ ngữ của câu chứa động từ ngữ vi phải ở ngôi thứ nhất.
- Động từ đó được dùng ở thể chủ động và ở thời hiện tại.
- Thức của động từ là thức thực thi.
- Một động từ nói năng được dùng ở chức năng ngữ vi thì nhất thiết phải có mặt của người nghe trực tiếp và không đi kèm bất kì một yếu tố tình thái nào.

Ví dụ:

(1). *Tớ xin lỗi cậu chuyện ngày hôm qua nhé!* (昨日のことについて謝ります/お詫びをします)

(2). *Tôi xin mời anh đến dự bữa tiệc kỉ niệm 10 năm thành lập công ty.*

(当社の創業10周年記念パーティーにご招待します)

Khi đưa ra các phát ngôn trên, người nói đã thực hiện các hành vi “xin lỗi”, “đề nghị”, chủ ngữ của câu ở ngôi thứ nhất, thể chủ động và thời hiện tại.

2.3.2.2. Biểu thức ngữ vi

Theo Nguyễn Thị Thùy Linh (2015), biểu thức ngữ vi là một kiểu cấu trúc biểu thị một hành vi ở lời, là một dấu hiệu ngữ pháp - ngữ nghĩa. Thông qua các biểu thức ngữ vi, chúng ta có thể nhận biết được các hành vi ở lời. Dựa vào sự có mặt hay vắng mặt của động từ ngữ vi để chia biểu thức ngữ vi thành 02 loại:

(1) Biểu thức ngữ vi tường minh: là những biểu thức có chứa động từ ngữ vi có chức năng ngữ vi.

Ví dụ: (3). *Tớ xin lỗi cậu vì đã đến trễ.* (biểu thức nghĩa vi tường minh có chứa động từ ngữ vi “xin lỗi”).

(2) Biểu thức ngữ vi nguyên cấp: là những biểu thức ngữ vi không chứa động từ ngữ vi có chức năng ngữ vi.

Ví dụ: (4). *Bạn có thể đến đúng giờ được không?* (biểu thức nghĩa vi nguyên cấp được phát ra nhằm đạt được mục đích của hành vi đề nghị, cho dù nó không chứa động từ ngữ vi như “yêu cầu”, “đề nghị”).

Theo Hà Thị Tuyết (2010), bên cạnh cảm ơn, cam đoan, đánh cược, tuyên án,... hành vi xin lỗi là hành vi ở lời bắt buộc phải thực hiện bằng biểu thức ngữ vi tường minh.

3. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Trong những nghiên cứu về hành vi xin lỗi liên quan đến tiếng Nhật, có khá nhiều nghiên cứu trước đó đã tiến hành đối chiếu hành vi ngôn ngữ của người nói tiếng Nhật là tiếng mẹ đẻ với hành vi ngôn ngữ của người bản xứ nói các ngôn ngữ khác. Trong số này, có một số nghiên cứu tiêu biểu như:

- Đối chiếu Trung - Nhật: Zheng Jiazhen (2006), Zhao Fan (2015), Li Zhunan (2018)
- Đối chiếu Hàn - Nhật: Jeong Hyunji (2011)
- Đối chiếu Anh - Nhật: Asami Otani (2008)
- Đối chiếu Việt - Nhật: Abe Jinro & Lê Thị Hồng Vân (2021).

Trong số các nghiên cứu đi trước đã tiến hành đối chiếu giữa tiếng Trung và tiếng Nhật, có một điểm chung nổi bật là tần suất sử dụng các cách diễn đạt xin lỗi của người Nhật cao hơn người Trung. Trong số đó, Zhao Fan (2015) và Li Zhunan (2018) đã phân tích về các tình huống trong gia đình, còn Zheng Jiazhen (2006) tập trung phân tích các tình huống về tiếp đãi khách hàng và tình huống tại nơi làm việc.

Dựa vào kết quả của các nghiên cứu trên, có thể nhận thấy một số điểm đáng chú ý như sau:

Zhao Fan (2015) tập trung nghiên cứu mối quan hệ thân thiết, chẳng hạn như trong gia đình (cụ thể là với mẹ), hay giữa bạn bè thân thiết; nói cách khác, phạm vi nghiên cứu giới hạn ở các mối quan hệ “bên trong” (ウチ). Ngoài việc chỉ ra sự khác biệt về đặc điểm ngôn ngữ, nghiên cứu cũng đã xem xét, đối chiếu các yếu tố đằng sau sự khác biệt trong hành vi xin lỗi từ mối liên hệ với sự khác biệt giữa phương ngữ địa phương và ngôn ngữ phổ thông tại các khu vực là Tokyo - Osaka; Đại Liên và Hàng Châu. Đây là một điểm hay vì cho đến nay, vẫn còn thiếu những nghiên cứu về sự khác biệt giữa các vùng nhưng tác giả vẫn chưa đề cập đến lý do

tại sao lại chọn vùng Tokyo và Osaka (Nhật Bản) và Đại Liên và Hàng Châu (Trung Quốc). Vì mỗi vùng sẽ có những đặc điểm ngôn ngữ khác nhau nên sẽ khách quan hơn khi giải thích lý do tại sao vùng này được chọn thay vì vùng khác.

Li Zhunan (2018) cũng tập trung vào nghiên cứu về các tình huống ở mỗi quan hệ bên trong (ウチ). Việc lấy những đoạn hội thoại trong các bộ phim truyền hình thay vì sử dụng phương pháp đặt câu hỏi làm dữ liệu có điểm hạn chế là số lượng các đoạn hội thoại có sử dụng lời xin lỗi đã thu thập trên những bộ phim bị giới hạn, dẫn đến việc không thể đánh giá liệu kết quả thu được có thể được bao quát, đầy đủ hay không.

Không giống như hai nghiên cứu được đề cập ở trên, Zheng Jiazhen (2006) chỉ tập trung vào mối quan hệ bên ngoài (ソト), trong đó tập trung vào các ví dụ về mối quan hệ giữa nhân viên và khách hàng, giữa công ty và người lao động. Tuy nhiên, số lượng người được khảo sát còn ít và kết quả thu được rất khó khái quát hóa.

Tương tự như nghiên cứu đối chiếu hành vi xin lỗi giữa tiếng Trung - tiếng Nhật, các nghiên cứu đối chiếu Anh - Nhật (Asami Otani, 2008), nghiên cứu đối chiếu Hàn - Nhật (Jeong Hyunji, 2011), và nghiên cứu đối chiếu Việt - Nhật (Abe Jiro, Lê Thị Hồng Vân, 2021) có một điểm chung là tần suất họ sử dụng cách diễn đạt lời xin lỗi (đặc biệt là những cách diễn đạt cố định) thường xuyên hơn, bất kể người tiếp nhận lời xin lỗi là ai.

Dựa vào kết quả của những nghiên cứu trên, có thể nhận thấy một số điểm đáng chú ý:

Nghiên cứu đối chiếu giữa tiếng Anh - tiếng Nhật của Asami Otani (2008) đã không phân tích các mối quan hệ cụ thể như bên trong (ウチ) và bên ngoài (ソト), mà tiến hành phân loại ra thành các nghiên cứu định hướng phổ quát và định hướng cá nhân, rồi chỉ nhìn bao quát từng nghiên cứu đó, chẳng hạn như liên quan đến chiến lược, hay liên quan đến nhận thức sử dụng của người nói.

Ngược lại, nghiên cứu đối chiếu giữa tiếng Hàn - tiếng Nhật của Jeong Hyunji (2011) lại tập trung vào mối quan hệ giữa những người bạn đại học. Trong nghiên cứu này, tác giả đã thu thập dữ liệu bằng câu hỏi thông qua hoạt động nhập vai (role play), nhưng do chỉ có nhập vai trong một tình huống duy nhất nên bối cảnh không đa dạng, phạm vi phân tích hẹp và khó có thể đánh giá kết quả một cách tổng thể.

Cuối cùng, nghiên cứu đối chiếu giữa tiếng Việt - tiếng Nhật của Abe Jiro và Lê Thị Hồng Vân (2021) tập trung vào các đối tượng như “cha mẹ”, “bạn thân” và “thầy giáo”. Nói cách khác, nghiên cứu này đã phân tích cả mối quan hệ bên ngoài và mối quan hệ bên trong. Khác với các nghiên cứu khác, nghiên cứu này không sử dụng phương pháp công thức ngữ nghĩa (phân thành cách biểu hiện xin lỗi chính quy và không chính quy) mà phân tích kết quả dựa trên các chiến lược xin lỗi.

Vì vậy, cho đến nay, có rất ít nghiên cứu so sánh đối chiếu cách thể hiện lời xin lỗi của người Nhật và người Việt mà chỉ tập trung vào mối quan hệ tình bạn. Chính vì thế, tác giả đã quyết định thực hiện nghiên cứu đối chiếu chiến lược xin lỗi bằng tiếng Nhật và tiếng Việt, tập trung vào mối quan hệ bạn bè thân thiết.

4. Câu hỏi nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, tác giả sẽ xử lý hai câu hỏi nghiên cứu sau đây:

1. Với mỗi quan hệ bạn bè thân thiết, tần suất sử dụng, tình huống sử dụng từ “xin lỗi” trong tiếng Việt và tiếng Nhật như thế nào?
2. Với mỗi quan hệ bạn bè thân thiết, người Việt và người Nhật sử dụng chiến lược xin

lỗi như thế nào?

5. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp khảo sát qua bảng hỏi dạng trực tuyến. Tác giả đã tiến hành khảo sát “Biểu hiện xin lỗi trong tiếng Việt (tiếng Nhật) - tập trung vào mối quan hệ bạn bè thân thiết” bằng hình thức Google Form từ ngày 15/12/2023 đến ngày 5/1/2024 với đối tượng là người Việt Nam nói tiếng mẹ đẻ là tiếng Việt, và người Nhật Bản nói tiếng mẹ đẻ là tiếng Nhật. Người Việt Nam sẽ điền khảo sát bằng tiếng Việt, còn người Nhật sẽ điền khảo sát bằng tiếng Nhật. Đối tượng khảo sát với 43% là nam giới và 57% là nữ giới. Cụ thể, khảo sát đã thu được 70 câu trả lời: 35 câu trả lời từ người Việt (50%), nằm ở độ tuổi từ 18 đến 30 tuổi, chủ yếu là từ 20 đến 25 tuổi (chiếm 90% câu trả lời của người Việt) và 35 câu trả lời từ người Nhật (50%), nằm ở độ tuổi từ 20 đến 45 tuổi, chủ yếu là từ 20 đến 30 tuổi (chiếm 92% câu trả lời của người Nhật). Như vậy có thể thấy, những người tham gia trả lời khảo sát chủ yếu tập trung ở độ tuổi từ 20 đến 30 tuổi.

Để có số liệu tổng quan từ nhiều đối tượng (sinh viên, người đi làm,...), với đối tượng khảo sát là người Việt, tác giả đã gửi bảng khảo sát cho các bạn sinh viên thuộc Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội, các cựu sinh viên Trường Đại học Ngoại thương Hà Nội, các học viên của tác giả đang theo học tiếng Nhật. Với đối tượng khảo sát là người Nhật, tác giả thu thập dữ liệu từ các bạn sinh viên thuộc Trường Nhật ngữ Meric, từ đồng nghiệp, bạn bè của các sinh viên, học viên người Việt. Đa phần, người Việt trả lời câu hỏi đều đang sinh sống, học tập, làm việc tại Việt Nam, còn người Nhật thì đang sinh sống, học tập, làm việc tại Nhật Bản.

Nghiên cứu này tham khảo những nghiên cứu đi trước, đó là phần “tình huống xin lỗi” của tác giả Tetsuo Kumatoriya (1992, tr. 30-31) và phần “đối tượng xin lỗi” của tác giả Tomoko Nakata (1989, tr. 192-193) và đã lựa chọn ra những tình huống xin lỗi điển hình, thường gặp dưới đây mà có thể thấy được sự khác nhau giữa cách biểu hiện lời xin lỗi giữa tiếng Nhật và tiếng Việt:

(*Tình huống 1*) Thất hứa: Quên mất đôi giày đã nhờ mang.

(*Tình huống 2*) Vi phạm phép tắc: Trễ hẹn 30 phút.

(*Tình huống 3*) Làm ảnh hưởng đến đồ sở hữu của đối phương: Làm vỡ chiếc cốc yêu thích.

(*Tình huống 4*) Làm ảnh hưởng đến thân thể của đối phương: Làm đổ chiếc ghế vào chân dẫn đến bị thương tích.

Khảo sát được chia làm 2 bản: 01 bản tiếng Việt và 01 bản tiếng Nhật. Lấy tình huống 1 làm ví dụ:

Tiếng Việt:

Hôm qua bạn đã được một người bạn thân nhờ là hãy mang đôi giày đến, nhưng hôm nay bạn lại để quên ở nhà. Trong trường hợp này, bạn sẽ xin lỗi người bạn đó như thế nào?

Tiếng Nhật:

親友から靴を持ってくるように頼まれたが、今日はおうちに忘れてしまった。この場合では、その友人にどのように謝るのか。

Tác giả thu thập dữ liệu bằng cách tạo bảng tổng hợp câu trả lời từ Google Docs sang file Google Excel, tiến hành sử dụng thang đo danh nghĩa (nominal scale) để hệ thống hóa và

phân loại hóa bằng cách đánh thủ công mã định danh dưới dạng Vx và Jx (trong đó V: dành cho câu trả lời tiếng Việt; J dành cho câu trả lời tiếng Nhật; x là số theo thứ tự thời gian nhận được câu trả lời), sau đó, sử dụng hàm trong bảng tổng hợp (dựa vào số lượng các câu trả lời đã được mã hóa) để tính tỉ lệ phần trăm về tần suất, tình trạng sử dụng các cách diễn đạt ở từng chiến lược.

6. Kết quả

Ở phần này, tác giả sẽ nêu khái quát những chiến lược xin lỗi xuất hiện trong câu trả lời của người Việt và người Nhật, sau đó sẽ tiến hành so sánh về tần suất sử dụng.

6.1. Những chiến lược xin lỗi trong những câu trả lời của người Nhật

Bảng 1

Chiến lược “bày tỏ lời xin lỗi rõ ràng” trong tiếng Nhật

ごめん系	ごめんなさい、ごめん、ごめんね、本当にごめん、めっちゃごめん、ごめん
すみません系	すみません、すいません、すみませんね、本当にすみません、すみませんでした
申し訳ない系	申し訳ありません、申し訳ないです、申し訳ございません、大変申し訳ありませんでした
許して系	許してくれて、許してね
その他	謝りますね

Có rất nhiều cách diễn đạt lời xin lỗi trong tiếng Nhật và có thể thấy rằng cách diễn đạt được sử dụng sẽ thay đổi tùy thuộc vào đối phương là ai. Khi chúng ta thêm vĩ tố 「ね」 ở cuối câu, hay thêm những phó từ chỉ mức độ như 「大変」、「本当に」、「めっちゃ」... sắc thái biểu đạt của lời xin lỗi cũng sẽ thay đổi.

Ngoài chiến lược “bày tỏ lời xin lỗi rõ ràng”, các chiến lược xin lỗi khác cũng thường được sử dụng. Các con số trong ngoặc đơn chỉ số thứ tự của người trả lời trong bảng câu hỏi.

- [Giải thích/biện minh]:

(5) ごめんなさい。寝坊しちゃって遅れてしまいました。(J1)

(Tôi xin lỗi. Tôi xin lỗi vì đã trót ngủ quên)

(6) ごめん。手が滑ってしまってね。本当に申し訳ない。(J8)

(Xin lỗi bạn. Tôi bị trượt tay. Thật sự xin lỗi bạn)

(7) 遅れてごめんね。道が渋滞していて遅れてしまったんだ。(J20)

(Xin lỗi vì tôi đã đến muộn. Vì đường tắc quá nên tôi bị muộn)

(8) 絶対痛いんですね、不注意で椅子を倒してしまいました、すみません (J29)

(Chắc chắn là bạn đau lắm, tôi xin lỗi do tôi bất cẩn nên tôi đã lỡ làm đổ cái ghế).

(9) アラームが聞こえなかった、申し訳ない (J31)

(Tôi xin lỗi bạn vì tôi không nghe thấy tiếng báo thức).

- [Thừa nhận trách nhiệm]:

(10) あっごめんなさい。靴を持ってくるのを忘れちゃった。本当にごめんなさい。(J9)

(Ôi tôi xin lỗi, tôi trót quên không mang giày rồi. Thật sự xin lỗi bạn).

(11) ごめん、ごめん。私が遅れて30分も待たせて、ほんま、ごめんなさい。

(J16)

(Xin lỗi, xin lỗi bạn. Thật sự xin lỗi bạn vì tôi đến muộn để bạn phải đợi tận 30 phút).

(12) ごめんなさい。不注意で割ってしまった。(J35)

(Xin lỗi bạn. Do bất cẩn nên tôi đã làm vỡ mắt tiêu).

(13) 申し訳ない。私の不注意であなたの足に傷を負わせてしまった。(J17)

(Xin lỗi bạn. Do sự bất cẩn của tôi mà tôi đã làm chân bạn bị thương).

- [Đề nghị bồi thường]

(14) ごめんなさい。不注意で割ってしまったが、同じ物はないけど弁償させて欲しい。(J33)

(Xin lỗi bạn. Do bất cẩn mà tôi đã làm vỡ, chắc không có cái cốc tương tự nhưng tôi vẫn muốn được đền cho bạn)

(15) ごめん。ほんとうにごめん。新しいのかってくるよ。(J24)

(Xin lỗi, thật sự xin lỗi bạn. Tôi sẽ mua cái mới cho bạn).

(16) ごめん、ご飯奢るよ。(J2)

(Xin lỗi, tôi khao bạn bữa cơm nhé).

(17) ごめん、病院いく？(J35)

(Xin lỗi, bạn đi bệnh viện không?)

(18) 本当にごめんなさい。治療費を全額負担させてもらおうよ。(J21)

(Thật sự xin lỗi bạn. Tôi xin được chịu toàn bộ chi phí điều trị cho bạn)

- [Tuyên bố sẽ không xảy ra lần nữa]

(19) ごめんなさい、遅れてしまった。今後から二度と遅れないよ。許してね。

(J19)

(Xin lỗi bạn, tôi đã đến muộn. Từ nay tôi sẽ không đến muộn lần 2 nữa đâu).

(20) あ、割ってしまった。次から気をつける。(J3)

(Ôi, tôi đã làm vỡ mắt tiêu. Lần sau tôi sẽ chú ý hơn).

- [Chiến lược khác]

+ Quan tâm đến đối phương:

(21) 絶対痛いんですね、不注意で椅子を倒してしまいました、すみません (J29)

(Chắc chắn là bạn đau lắm, tôi xin lỗi do tôi bất cẩn nên tôi đã lỡ làm đổ cái ghế).

(22) ごめんなさい。足は大丈夫？(J24)

(Xin lỗi bạn, chân bạn có sao không?)

(23) あっ、ごめん。大丈夫？痛い？どうしよう。病院行く？本当にごめんな。(J3)

(Ôi chết, tôi xin lỗi. Bạn ổn chứ? Có đau không? Làm như thế nào bây giờ. Đi bệnh viện nhé? Thật sự xin lỗi bạn)

+ Sử dụng từ cảm thán:

(24) あっ、ごめん。大丈夫？痛い？どうしよう。病院行く？本当にごめんな。(J3)

(Ôi chết, tôi xin lỗi. Bạn ổn chứ? Có đau không? Làm như thế nào bây giờ. Đi bệnh viện nhé? Thật sự xin lỗi bạn)

(25) いやーごめん。ごめん。寝坊しちゃった。(J12)

(Ôi xong, tôi xin lỗi, xin lỗi bạn. Tôi đã ngủ quên mất).

6.2. Những chiến lược xin lỗi trong những câu trả lời của người Việt

Bảng 2

Chiến lược “bày tỏ lời xin lỗi rõ ràng” trong tiếng Việt

Nhóm “Xin lỗi”	Xin lỗi, tao xin lỗi, tớ xin lỗi nhé, tớ thật sự xin lỗi cậu, xin cậu tha lỗi, xin lỗi cậu nhiều lắm, xin lỗi nhiều
Nhóm “Thông cảm”	Thông cảm cho tớ nhé, thông cảm nhá
Nhóm “Bỏ qua”	Bỏ qua cho tớ nhé, bỏ qua nha, xí xóa nhé, bỏ qua nhé mà
Nhóm “Áy náy”	Tớ áy náy quá, tao áy náy ghê
Nhóm “Sorry”	Sorry, sorry cậu nhiều, sorry nhé

Mặc dù tiếng Việt không có nhiều câu “xin lỗi rõ ràng” như tiếng Nhật nhưng có thể nói “xin lỗi” không phải là cách bày tỏ lời xin lỗi duy nhất trong tiếng Việt. Ngay cả trong cách diễn đạt “xin lỗi”, mức độ lịch sự cũng khác nhau tùy thuộc vào việc có sử dụng chủ ngữ và tân ngữ hay không. Nếu chỉ nói “xin lỗi” với bạn bè hoặc cấp dưới thì không sao, nhưng chỉ dùng “xin lỗi” với cấp trên hoặc người không thân thiết được coi là bất lịch sự. Các biểu thức ngữ vi “Xin lỗi + tân ngữ”, “Chủ ngữ + xin lỗi” và “Chủ ngữ + xin lỗi + tân ngữ” được sử dụng phổ biến. Ngoài ra, cũng giống như tiếng Nhật, các phó từ chỉ mức độ như “rất”, “thực sự”, “thành thật”,... thường được dùng để tăng mức độ cảm xúc khi xin lỗi.

Ngoài “xin lỗi”, cách diễn đạt xin lỗi “thông cảm” cũng thường được sử dụng. Khác với người Nhật, người Việt, đặc biệt là giới trẻ, thường có xu hướng sử dụng từ “Sorry” trong tiếng Anh. Khi dùng “Sorry”, chúng ta có thể bày tỏ lời xin lỗi một cách nhẹ nhàng với những người trong gia đình hay bạn bè thân thiết.

Ngoài chiến lược “bày tỏ lời xin lỗi rõ ràng”, các chiến lược xin lỗi sau đây cũng được sử dụng:

- [Đề nghị bồi thường]

(26) Tớ xin lỗi đề mai tớ mua cái khác cho nhé (V3)

(27) Cho tớ xin lỗi, tớ đã bất cẩn để cậu bị thương, để tớ mua thuốc giảm đau cho cậu nhé (V4)

(28) Mà oi, nay tao lỡ để quên giày của mày ở nhà mất rồi. Huhu, tao xin lỗi. Mày có gấp thì mượn tạm giày t được không, trợ t gần đây. (V8)

(29) Xin lỗi ông, tôi không cẩn thận, **để tôi đưa ông ra phòng y tế xem sao nhé** (V11)

(30) Xin lỗi bạn tớ quên mang giày cho bạn rồi, **có gì ngày mai tớ đem lên được không** (V18)

- [Thừa nhận trách nhiệm]

(31) OMG, **Tao quên mang rồi**. Xin lỗi mày nhiều (V20)

(32) **Tớ bắt cậu phải đợi rồi**, xin lỗi cậu, tớ đãng quá (V23)

(33) Rất rất xin lỗi, **tui nhớ quên mất**, có cần gấp không để tui tìm cách mang đến cho (V27)

(34) Sorry cậu tớ bắt cần nên **làm đồ ghê**, cậu có sao không? (V31)

- [Giải thích/biện minh]

(35) Tao xin lỗi **vì bất cẩn** làm vỡ cốc, để tao mua đèn mày cái khác (V4)

(36) Hęc xin lỗi cậu, **do có vài việc đột xuất** nên tớ đến muộn. Lần sau đi chơi tớ khao nhé (V29)

(37) Thành thật xin lỗi ông nhiều **do tôi mệt quá ngủ quên** (V20)

Xin lỗi bạn tớ **vô ý quá**, cậu có bị làm sao không (V9)

- [*Tuyên bố không xảy ra lần nữa*]

(38) Ôi chết, tôi quên mang cho bà rồi, **lần sau tôi sẽ để ý hơn huhu** (V35)

(39) Tớ xin lỗi cậu, tớ làm vỡ cái cốc cậu yêu thích nhất, **tớ sẽ chú ý hơn**, tớ đền cậu nhé. (V21)

- [Chiến lược khác]

+ Quan tâm đến đối phương:

(40) **Cậu có đau lắm không?** tớ lấy băng gạc cho cậu nhé. (V33)

(41) **Mày chờ lâu lắm rồi ha**. Tao xin lỗi nha. (V6)

(42) **Chắc bạn gắn bó với cái cốc này lắm nhỉ**, tớ không biết đèn cậu như thế nào đây (V1)

+ Sử dụng từ cảm thán:

(43) **Thôi xong!** Tao xin lỗi mày nhé (V15)

Chết, tao để mày phải đợi lâu quá, tao xin lỗi. (V28)

(44) **Toang**, tôi quên mất tiêu rồi, tôi không mang cho ông (V20)

(45) **Ôi chết**, tôi quên mang cho bà rồi, lần sau tôi sẽ để ý hơn **huhu** (V35)

+ Đùa giỡn

(46) **Hahaha, cho chết, hôm trước mày cũng bắt tao đợi mà**. (V15)

(47) **Thôi cũng là cơ hội cho mày mua cái cốc mới mà**. (V6)

(48) **May đấy nhé, tí thì bật móng chân** (V23)

Trong câu trả lời của người Nhật, chiến lược “quan tâm đến đối phương” và “sử dụng từ cảm thán” có xuất hiện nhưng chiến lược “hài hước” lại không xuất hiện. Nhìn vào dữ liệu câu trả lời từ người Việt Nam, chiến lược “hài hước” thường được sử dụng. “Thôi cũng là cơ hội cho mày mua cái cốc mới mà” là một ví dụ. Người Nhật chắc hẳn rất khó hiểu việc có người làm vỡ chiếc cốc mà chủ nhân rất trân trọng, thay vì nói lời xin lỗi, họ lại nói với người bị hại như vậy. Ngoài ra, nói ‘May đấy’ ngay cả khi người kia bị thương cũng có thể được coi là một

chiến lược “hài hước”. Như đã đề cập ở phần trước, Kumagai (1993) cho rằng lời xin lỗi được đặc trưng bởi mối quan hệ chặt chẽ với các chuẩn mực và đạo đức xã hội. Nhiều người Việt Nam tin vào lời dạy của Phật giáo rằng “có nhân ắt sẽ có quả” tùy theo việc làm tốt hay xấu. Việc sử dụng chiến lược “hài hước” cũng có thể phản ánh các chuẩn mực và quan điểm nhìn nhận xã hội của Việt Nam.

Dưới đây là bản tóm tắt tỷ lệ xuất hiện của từng cách bày tỏ và chiến lược xin lỗi được đề cập ở trên.

Bảng 3

Tần suất sử dụng cách diễn đạt, chiến lược xin lỗi thu được trong kết quả khảo sát của người Việt

	Bày tỏ lời xin lỗi rõ ràng	Giải thích / biện minh	Thừa nhận trách nhiệm	Yêu cầu bồi thường	Tuyên bố không xảy ra lần nữa
Tình huống 1	24%	10%	92%	33%	2%
Tình huống 2	51%	67%	21%	13%	0%
Tình huống 3	78%	28%	52%	82%	0%
Tình huống 4	63%	20%	0%	44%	0%

Bảng 4

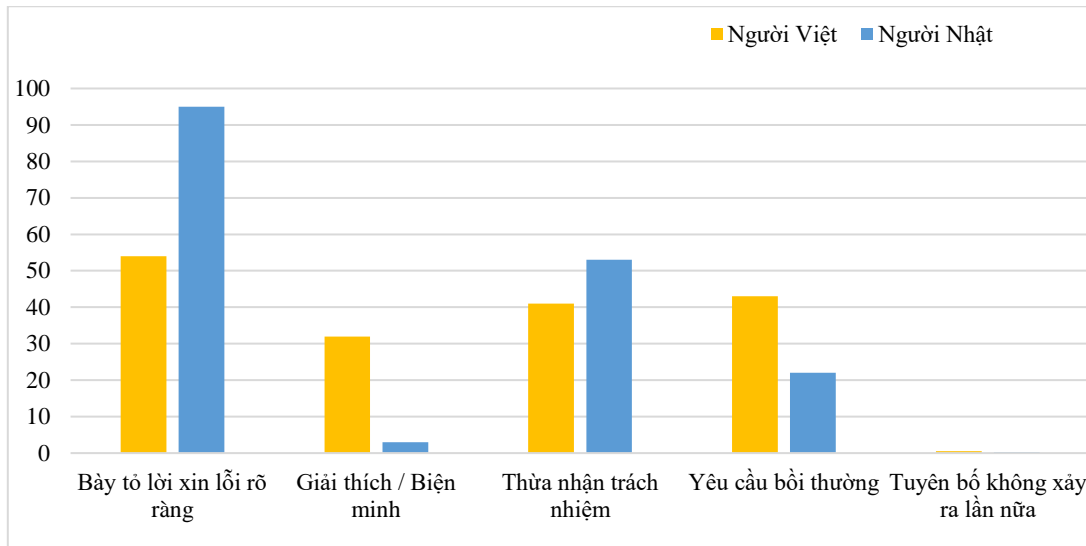
Tần suất sử dụng cách diễn đạt, chiến lược xin lỗi thu được trong kết quả khảo sát của người Nhật

	Bày tỏ lời xin lỗi rõ ràng	Giải thích / biện minh	Thừa nhận trách nhiệm	Yêu cầu bồi thường	Tuyên bố không xảy ra lần nữa
Tình huống 1	84%	0%	90%	12%	1%
Tình huống 2	96%	8%	57%	5%	0%
Tình huống 3	99%	3%	66%	49%	0%
Tình huống 4	99%	2%	0%	20%	0%

Có thể đối chiếu rõ ràng hơn thông qua biểu đồ dưới đây:

Biểu đồ 1

Trung bình tần suất sử dụng chiến lược xin lỗi của người Việt và người Nhật (đơn vị: %)



Dựa trên biểu đồ 1, có thể thấy sự khác biệt về tỷ lệ sử dụng chiến lược “bày tỏ lời xin lỗi rõ ràng” và chiến lược “giải thích/biện minh” là rõ rệt nhất.

Về chiến lược “bày tỏ lời xin lỗi rõ ràng”, nhìn vào bảng 4 ta có thể thấy, tỉ lệ sử dụng thấp nhất của người Nhật là 84% ở tình huống 1, và tỉ lệ sử dụng cao nhất là 99% ở tình huống 3, 4, không có sự chênh lệch nhiều. Ngược lại, ở bảng 3, ta thấy rõ sự chênh lệch lớn giữa tần suất sử dụng giữa tình huống 1 (24%) và tình huống 3 (78%), 4 (63%) của người Việt Nam.

Như đã trình bày ở phần 2.3, hành vi xin lỗi là hành vi ở lời bắt buộc phải thực hiện bằng biểu thức ngữ vi tường minh với động từ ngữ vi là “xin lỗi”. Thông qua số liệu trên về chiến lược “bày tỏ lời xin lỗi rõ ràng”, ta có thể thấy rõ ràng người Nhật có xu hướng sử dụng hình thức xin lỗi bằng việc sử dụng biểu thức ngữ vi tường minh nhiều hơn hẳn so với người Việt Nam. Điều này cũng cho thấy, người Nhật rất thường xuyên sử dụng chiến lược xin lỗi này dù cho là ở tình huống mức độ như thế nào, hay đối tượng xin lỗi của họ là bạn thân thiết. Mặt khác, có thể thấy trong tiếng Việt, tỷ lệ sử dụng câu “xin lỗi rõ ràng” thấp trong tình huống mức độ nhẹ (quên không mang đồ) và cao trong tình huống nghiêm trọng (làm vỡ đồ của bạn, hay làm bạn bị thương). Người Việt thường có suy nghĩ vì là bạn bè thân thiết nên những chuyện vụn vặt như quên mang đồ sẽ có thể bỏ qua dễ dàng, còn khi những chuyện lớn hơn như làm bạn bị thương mới đáng để xin lỗi, nếu chuyện gì cũng xin lỗi thì sẽ mang lại cảm giác xa cách, không thân thiết. Còn với người Nhật, dù có là lỗi của ai, hay ở trong hoàn cảnh nào, câu “xin lỗi” dường như là câu cửa miệng của họ. Từ đây, chúng ta đã có thể thu được kết quả ủng hộ quan điểm ở phần đầu nghiên cứu này: “Người Việt thường ít xin lỗi đặc biệt với những người có mối quan hệ thân thiết, trong khi người Nhật thì luôn xin lỗi với bất kể đối phương là ai”.

Kế tiếp, khi nhìn vào tỷ lệ sử dụng chiến lược “giải thích/biện minh”, giữa người Nhật và người Việt, chúng ta có thể thấy rằng người Việt có xu hướng sử dụng chiến lược này thường xuyên hơn người Nhật. Đặc biệt, chưa đến 10% người Nhật sử dụng chiến lược này trong tình huống trễ 30 phút, mà người Việt dùng tận 67%. Theo một nghiên cứu khoa học của trường Stanford, hành vi đổ lỗi có tính chất lây lan. Trong nghiên cứu này, người chứng kiến việc một ai khác đổ lỗi sai sót thì cũng có xu hướng đổ lỗi thất bại của mình cho những người hoặc sự

việc không liên quan. Nói cách khác, bất kỳ ai cũng có thể là nạn nhân và sau đó là tác nhân của “trò chơi đổ lỗi” này. Người Việt là một trong số đó, dường như hành vi đổ lỗi đang ‘lây lan’ rộng khắp trong suy nghĩ của người Việt. Người ta thường nói “người Việt Nam không xin lỗi mà thường hay kiếm cớ”, điều này không hẳn là sai (Abe Jiro, 2021). Mặc dù họ thường xuyên sử dụng chiến lược “giải thích/biện minh” nhưng điều này không có nghĩa là họ không sử dụng chiến lược “bày tỏ lời xin lỗi rõ ràng”. Họ có xu hướng sử dụng kết hợp các chiến lược xin lỗi. Ví dụ, một người Việt có thể nói: “Cậu ơi, cho tớ xin lỗi. Không may tớ vô ý làm vỡ mất chiếc cốc của cậu”, có sự kết hợp giữa “lời xin lỗi rõ ràng”, “thừa nhận trách nhiệm” và “đề nghị bồi thường”: “Cậu mua nó ở đâu? Tớ sẽ mua đền cậu cái khác nhé”.

Đối với các chiến lược xin lỗi khác, sự khác biệt trong xu hướng sử dụng giữa tiếng Nhật và tiếng Việt không đáng chú ý như đối với các chiến lược “bày tỏ lời xin lỗi rõ ràng” và “giải thích/biện minh”. Tỷ lệ sử dụng chiến lược “thừa nhận trách nhiệm” ở cả người Nhật và người Việt đều cao, lần lượt là 53% và 41%. Trong cả tiếng Nhật và tiếng Việt, chiến lược này hiếm khi được sử dụng riêng lẻ. Mọi người thường kết hợp bày tỏ lời xin lỗi bằng nhiều chiến lược khác nhau như “Tôi xin lỗi, tôi quên mất”.

Ở chiến lược “đề nghị bồi thường”, tuy chúng ta không thấy sự chênh lệch quá lớn về tỉ lệ trung bình tần suất sử dụng (người Việt là 43%, người Nhật là 22%), nhưng nhìn vào từng tỉ lệ % của từng tình huống, ta sẽ thấy người Việt có xu hướng muốn được bồi thường cho đối phương cao hơn nhiều. Đặc biệt là ở tình huống 3, tỉ lệ sử dụng lên đến 82%, trong khi người Nhật chỉ 49%, chứng tỏ người Việt chọn “làm nhiều hơn nói”, lấy hành động để cố gắng hàn gắn mối quan hệ hơn là chỉ dùng lời nói không.

Còn ở chiến lược “tuyên bố không xảy ra lần nữa”, cả người Việt lẫn người Nhật đều rất ít sử dụng, khi trung bình chưa tới 1%. Xu hướng này chứng tỏ người Việt và người Nhật rất ít khi hứa hẹn khi trót gây ra lỗi cho đối phương, vì mọi thứ xảy ra không có ai đoán được trước.

Tóm lại, đối chiếu xu hướng sử dụng chiến lược xin lỗi của người Nhật và Việt Nam, ta có thể thấy người Nhật thường xuyên sử dụng chiến lược “bày tỏ lời xin lỗi rõ ràng” và “thừa nhận trách nhiệm” và hai chiến lược này trở thành cách xin lỗi chính của người Nhật. Mặt khác, người Việt ít sử dụng “bày tỏ lời xin lỗi rõ ràng” hơn người Nhật, và ngoài “bày tỏ lời xin lỗi rõ ràng”, họ còn thường xuyên sử dụng các chiến lược khác như “đề nghị bồi thường” và “giải thích/biện minh”. Nhìn vào kết quả khảo sát, không có sự khác biệt về xu hướng sử dụng chiến lược xin lỗi giữa các yếu tố giới tính, khu vực sinh sống của người trả lời, người học tiếng Nhật hay người học không phải tiếng Nhật.

7. Thảo luận và kết luận

Trong nghiên cứu này, tác giả đã tiến hành so sánh đối chiếu cách thể hiện lời “xin lỗi”, chiến lược lời xin lỗi trong tiếng Nhật và tiếng Việt tập trung phân tích vào mối quan hệ bạn bè thân thiết thông qua khảo sát.

Đầu tiên, về câu hỏi nghiên cứu: “Làm rõ tần suất sử dụng, tình huống sử dụng từ “xin lỗi” trong tiếng Nhật và tiếng Việt”, có thể thấy người Nhật sử dụng cách diễn đạt xin lỗi thường xuyên trong tất cả các tình huống dù là với bạn bè thân thiết, trong khi người Việt Nam lại sử dụng cách diễn đạt xin lỗi trong những tình huống có mức độ gây ảnh hưởng lớn tới đối phương, còn trong các tình huống nhỏ nhặt lại thường không dùng nhiều. Theo Ikeda (1993), người Nhật rất chú trọng việc tôn trọng thể diện của đối phương (đặc biệt là với người bề trên), bằng cách thừa nhận trách nhiệm của mình cùng với lời xin lỗi rõ ràng, có hiệu quả, thay vì đưa ra quá nhiều lời giải thích hay bào chữa.

Người Việt khác với người Nhật, và chiến lược lịch sự của họ được cho là thay đổi tùy thuộc vào người mà họ tiếp xúc. Nếu đối phương là cấp trên hay người lạ, họ sẽ chú trọng vào việc phải tôn trọng mặt tiêu cực của đối phương. Mặt khác, khi người kia là thành viên trong gia đình hoặc những người bạn thân thiết, họ lại coi trọng mặt tích cực của chính mình hơn là tôn trọng mặt tiêu cực của người kia. Đó cũng là lý do mà chúng ta thấy người Việt thường không sử dụng lời xin lỗi với những người thân thiết.

Bên cạnh đó, dựa vào khung lý thuyết về “biểu thức ngữ vi” và “động từ ngữ vi”, có thể rút ra kết luận về mặt ngữ dụng học, đó là người Nhật có xu hướng sử dụng biểu thức ngữ vi tường minh nhiều hơn hẳn người Việt.

Ngoài ra, bằng cách thực hiện một cuộc khảo sát bằng bảng câu hỏi qua Google form, tác giả đã giải quyết được câu hỏi nghiên cứu thứ hai: “làm rõ chiến lược xin lỗi mà người Nhật và người Việt sử dụng”. Kết quả là, khác với nhận thức chung về kiểu xin lỗi của người Việt, ngoài từ “xin lỗi” đơn thuần, còn có nhiều cách diễn đạt khác như “thông cảm”, “bỏ qua”, “áy náy”, hay thường sử dụng thêm cả từ “sorry” trong tiếng Anh, thậm chí từ này còn được nhiều người, đặc biệt là giới trẻ, sử dụng rất nhiều. Mặc dù các cách xin lỗi của người Việt không phong phú bằng người Nhật, nhưng rõ ràng là trong tiếng Việt có nhiều cách để bày tỏ lời xin lỗi hơn chúng ta thường nghĩ là chỉ có mỗi từ “xin lỗi”. Về chiến lược xin lỗi, người Nhật có xu hướng sử dụng chiến lược “bày tỏ lời xin lỗi rõ ràng” và “thừa nhận trách nhiệm” hơn người Việt. Mặt khác, chiến lược “giải thích/biện minh” và “đề nghị bồi thường” có xu hướng được người Việt sử dụng thường xuyên hơn người Nhật.

Tuy nghiên cứu này đã chỉ ra được sự khác biệt trong xu hướng sử dụng chiến lược xin lỗi của người Việt và người Nhật, nhưng vẫn còn một số hạn chế. Thứ nhất, số lượng người tham gia khảo sát không nhiều, chỉ 70 người (trong đó chỉ có 35 người Việt và 35 người Nhật) với khoảng tuổi phân bố rộng (từ 18 - 45 tuổi), tập trung chủ yếu vào lứa tuổi từ 18-30 thì chưa phải là con số lí tưởng để có thể đưa ra kết luận về xu hướng sử dụng ngôn ngữ của một quốc gia. Thứ hai, nghiên cứu này sử dụng phương pháp đặt câu hỏi thông qua khảo sát. Như đã đề cập trước đó, Tanaka (2004) nhận định đây là phương pháp có thể thu thập đầy đủ một lượng dữ liệu một cách đồng bộ nhưng lấy kết quả khảo sát bằng việc người tham gia trả lời vào đường link cho sẵn sẽ làm kết quả thu được giảm đi độ tin cậy, do có thể xuất hiện sự khác biệt trong suy nghĩ khi người tham gia trả lời tình huống bằng hình thức viết và nói. Thứ ba, bối cảnh tình huống khảo sát còn hạn chế, chưa bao quát đầy đủ để cho ra kết quả khách quan nhất về tần suất, tình trạng sử dụng. Thứ tư, nghiên cứu này chỉ dừng lại ở việc phân tích cách diễn đạt lời xin lỗi của “người xin lỗi” mà chưa đề cập đến “người tiếp nhận lời xin lỗi”.

Ở các nghiên cứu tiếp theo, tác giả sẽ nghiên cứu đối chiếu hành vi xin lỗi của cả “người xin lỗi” và “người tiếp nhận lời xin lỗi”, chỉ ra sự khác nhau trong cách thể hiện lời xin lỗi ở từng độ tuổi, giới tính chi tiết.

Tài liệu tham khảo

- Abe, J. & Lê, T. H. V. (2021). Đối chiếu cách thể hiện lời xin lỗi trong hai ngôn ngữ Việt – Nhật và ứng dụng trong giảng dạy tiếng Nhật của người Việt Nam. *Tạp chí Khoa học xã hội và Nhân văn - Trường Đại học Giáo dục Hokkaido*, 2(71), 1-16.
- Asami, O. (2008). Tổng quan và các nhiệm vụ nghiên cứu sau này trong nghiên cứu hành vi xin lỗi - Khảo sát tập trung vào nghiên cứu đối chiếu giữa tiếng Nhật và tiếng Anh. *Tạp chí Văn hóa ngôn ngữ và Giáo dục tiếng Nhật*, 35, 24-43.
- Đỗ, H. C. (2001). *Đại cương ngôn ngữ học*. NXB Giáo dục.
- Hoàng, P. (2021). *Từ điển tiếng Việt*. NXB Hồng Đức.

- Ikedo, R. (1993). Nghiên cứu đối chiếu xin lỗi: Đối chiếu Nhật - Anh - Khảo sát từ quan điểm “face”. *Ngôn ngữ học tiếng Nhật*, 12, 13-21.
- Jeong, H. (2011). *Nghiên cứu đối chiếu hành vi xin lỗi và phản ứng giữa tiếng Nhật và tiếng Hàn – Xét trên quan điểm lịch sử của Brown & Levinson*. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Ngoại ngữ Tokyo.
- Lê, T. H. V. (2021). Các cách thức xin lỗi trong tiếng Việt và tiếng Nhật - đối chiếu dựa trên lý thuyết lịch sử của Brown và Levinson. *Kỷ yếu điện tử Hội thảo Quốc gia Nghiên cứu liên ngành về Ngôn ngữ và Giảng dạy ngôn ngữ lần thứ VI* (tr. 533-543).
- Li, Z. (2018). *Hành vi xin lỗi ở mối quan hệ gia đình trong tiếng Nhật và tiếng Trung - Phân tích từ các bộ phim gia đình*. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Kagoshima.
- Ngô, T. H. T. & Lưu, Q. P. (2006). Hành động xin lỗi trực tiếp và hồi đáp trong hội thoại tiếng Việt. *Tạp chí Ngôn ngữ và đời sống*, 6b(327), 25-33.
- Nguyễn, T. D. (2006). *Hành động xin lỗi: Một phân tích dụng học - văn hóa trong tiếng Việt*. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
- Nguyễn, T. T. L. (2015). *Xin lỗi và tiếp nhận lời xin lỗi của người Việt nhìn từ góc độ giới*. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Takuro, M. (1992). *Giao tiếp để hàn gắn mối quan hệ: Phối hợp bày tỏ lòng biết ơn và xin lỗi trong tiếng Nhật hiện đại*. NXB Seibundo Tokyo.
- Tetsuo, K. (1992). Cách tiếp cận tổng hợp trong nghiên cứu đối chiếu hành vi ngôn ngữ: Lấy từ “xin lỗi” trong tiếng Nhật và tiếng Anh làm ví dụ. *Ngôn ngữ học tiếng Nhật*, 79, 26-39.
- Tomiko, K. (2002). Nghiên cứu so sánh lời xin lỗi của người Nhật và người Mỹ: Hình thức xin lỗi và mục đích. *Tạp chí Xã hội hiện đại*, 3, 49-63.
- Tomoko, N. (1989). Xin lỗi và cảm ơn dưới hình thức hành vi giao tiếp - Đối chiếu Nhật - Anh. *Tạp chí Giáo dục tiếng Nhật*, 68, 191-203.
- Zhao, F. (2011). *Nghiên cứu đối chiếu hành vi xin lỗi giữa tiếng Nhật và tiếng Trung - Xét trên quan điểm về gia đình của người Trung Quốc không xin lỗi người thân*. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Touyou.
- Zhao, F. (2012). Nghiên cứu đối chiếu cách thể hiện lời xin lỗi giữa tiếng Nhật và tiếng Trung - Tập trung vào sự khác biệt giữa quan hệ gia đình và quan hệ bạn bè thân thiết. *Kỷ yếu toàn văn - Trường Đại học Toyo*, 49, 98-124.
- Zhao, F. (2015). *Nghiên cứu ngôn ngữ học xã hội về hành vi xin lỗi trong tiếng Nhật và tiếng Trung - Tập trung vào sự khác biệt giữa mối quan hệ con người và yếu tố vùng miền*. Luận văn Tiến sĩ, Trường Đại học Toyo.
- Zheng, J. (2006). *Sự khác biệt trong hành vi xin lỗi - Lấy ví dụ từ người Nhật Bản và người Trung Quốc*. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Hiroshima.

A CONTRASTIVE ANALYSIS OF APOLOGY STRATEGIES IN CLOSE FRIEND RELATIONSHIP IN VIETNAMESE AND JAPANESE

Vu Dinh Quang Anh

*Faculty of Japanese Language and Culture, VNU University of Languages and International Studies,
No.2 Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Abstract: The act of apologizing can be said to be one of the most common human behaviors in daily life and its linguistic expression can be observed in many different languages such as: Vietnamese, Japanese, English, Chinese, etc. However, in reality, the ways to express apology differ among languages due to differences in culture, customs as well as the level of relationship. This study compared different ways to apologize in Japanese and Vietnamese, focusing mainly on close friend relationship through an online questionnaire survey, in order to point out similarities and differences in status, frequency of using apology strategies. The results show that, in terms of status and frequency of use, Japanese people almost express apologies in all situations, while Vietnamese people often only use apologies in circumstances which cause serious problems and exert great influence on interlocutors. Regarding apology strategies, Japanese people frequently use the strategies such as “expressing apology clearly” and “admitting responsibility”; on the other hand, the strategies such as “explaining/justifying” and “offering compensation” are used more by Vietnamese people.

Keywords: apologize, apology strategy, expressions, Vietnamese, Japanese